

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 30
PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN	31 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Quang Vinh
Ông Nguyễn Quang Kiên
Ông Nguyễn Á Phi
Ông Đoàn Văn Thu
Ông Trần Văn Thanh
Ông Nguyễn Quang Dũng
Ông Nguyễn Văn Lãng
Bà Nguyễn Thanh Huyền

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Thanh
Ông Nguyễn Á Phi
Ông Vũ Hồng Khánh
Ông Phạm Thanh Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2012)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Só: 719 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 18 tháng 3 năm 2013, từ trang 03 đến trang 37. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1675/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011 Trình bày lại
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		856.306.525.101	515.434.592.160
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	100.582.502.701	57.571.991.574
1. Tiền	111		40.582.502.701	57.571.991.574
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	233.501.421.200	6.627.917.800
1. Đầu tư ngắn hạn	121		248.497.064.426	20.377.064.426
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(14.995.643.226)	(13.749.146.626)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		314.223.177.836	309.020.025.479
1. Phải thu khách hàng	131		304.719.348.965	305.629.401.748
2. Trả trước cho người bán	132		5.030.178.034	12.749.118.413
3. Các khoản phải thu khác	135	8	21.382.184.582	9.368.117.924
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(16.908.533.745)	(18.726.612.606)
IV. Hàng tồn kho	140	9	180.310.944.277	129.486.658.053
1. Hàng tồn kho	141		188.614.566.754	129.486.658.053
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.303.622.477)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.688.479.087	12.727.999.254
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.542.043.691	1.372.402.057
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.270.522.466	10.320.938.639
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.025.781.363	350.950.404
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.850.131.567	683.708.154
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		652.251.848.446	626.710.135.569
I. Tài sản cố định	220		324.742.218.062	328.203.281.949
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	282.935.235.845	250.757.955.599
- Nguyên giá	222		524.753.160.284	466.631.414.156
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(241.817.924.439)	(215.873.458.557)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	13.275.715.053	12.019.936.673
- Nguyên giá	228		17.300.762.053	15.046.779.053
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.025.047.000)	(3.026.842.380)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	28.531.267.164	65.425.389.677
II. Bất động sản đầu tư	240	13	16.992.557.560	17.357.184.017
- Nguyên giá	241		18.578.406.397	18.578.406.397
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.585.848.837)	(1.221.222.380)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.764.084.734	7.259.372.885
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	15	4.612.958.477	4.560.000.329
2. Đầu tư dài hạn khác	258	16	2.761.126.257	6.215.250.556
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(1.610.000.000)	(3.515.878.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		304.752.988.090	273.890.296.718
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	303.652.571.583	273.630.506.718
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		845.626.507	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		254.790.000	259.790.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.508.558.373.547	1.142.144.727.729

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011 Trình bày lại
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	889.257.727.808	569.293.467.361
I. Nợ ngắn hạn	310	730.379.157.847	414.625.675.054
1. Vay ngắn hạn	311 18	372.603.425.514	134.277.558.111
2. Phải trả người bán	312	253.649.666.054	165.998.317.149
3. Người mua trả tiền trước	313	8.533.649.262	3.951.827.610
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 19	21.793.455.754	24.709.763.009
5. Phải trả người lao động	315	29.946.854.779	25.755.195.598
6. Chi phí phải trả	316	6.757.116.565	23.872.905.596
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 20	22.090.111.690	32.713.262.254
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320 21	11.912.205.298	571.184.331
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	3.092.672.931	2.775.661.396
II. Nợ dài hạn	330	158.878.569.961	154.667.792.307
1. Phải trả dài hạn khác	333 22	158.412.266.413	152.584.531.374
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	32.451.275	1.564.778.433
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	433.852.273	518.482.500
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	607.044.793.310	559.478.716.928
I. Vốn chủ sở hữu	410 23	607.044.793.310	559.478.716.928
1. Vốn điều lệ	411	344.466.990.000	344.466.990.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	76.180.770.000	76.180.770.000
3. Cổ phiếu quỹ	414	(49.700.000)	(49.700.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	425.786
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	106.096.040.872	105.650.833.010
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	13.919.779.236	12.900.069.411
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	66.430.913.202	20.329.328.721
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	12.255.852.429	13.372.543.440
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440	1.508.558.373.547	1.142.144.727.729

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	31/12/2012	31/12/2011
Hàng hóa nhận ký gửi	VND	250.000.000	216.392.000

Học
Phạm Văn Học
Người lập biểu

Quang
Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng



Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.276.673.003.353	2.813.068.204.722
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.703.760.925	5.605.786.874
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	3.264.969.242.428	2.807.462.417.848
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	2.777.939.121.100	2.362.075.329.468
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		487.030.121.328	445.387.088.380
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	14.975.383.340	5.026.467.844
7. Chi phí tài chính	22	28	17.110.051.596	71.203.544.297
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.749.137.397	19.212.845.950
8. Chi phí bán hàng	24		302.824.840.571	265.668.602.263
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		87.285.706.118	73.139.144.484
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		94.784.906.383	40.402.265.180
11. Thu nhập khác	31	29	8.797.308.714	11.548.981.015
12. Chi phí khác	32	30	3.652.783.010	2.628.138.158
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.144.525.704	8.920.842.857
14. Lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		52.958.149	(124.642.589)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	50		99.982.390.236	49.198.465.448
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	22.455.265.693	14.990.327.104
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(845.626.507)	932.500.000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		78.372.751.050	33.275.638.344
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		2.300.821.631	2.020.085.771
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	62		76.071.929.419	31.255.552.573
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.209	983


Phạm Văn Học
Người lập biểu


Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng


Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤTCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	99.982.390.236	49.198.465.448
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	30.427.355.472	29.271.317.147
Các khoản dự phòng	03	5.826.162.216	18.237.925.626
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(927.652.959)	438.319.665
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(13.172.979.283)	(4.914.744.232)
Chi phí lãi vay	06	16.749.137.397	19.212.845.950
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	138.884.413.079	111.444.129.604
Biến động các khoản phải thu	09	(15.091.249.904)	17.483.915.156
Biến động hàng tồn kho	10	(59.127.908.701)	16.591.266.322
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	112.932.567.170	(41.285.447.035)
Biến động chi phí trả trước	12	(30.191.706.500)	(32.716.755.684)
Tiền lãi vay đã trả	13	(17.525.901.274)	(19.047.080.129)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(27.400.311.255)	(14.346.690.039)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.544.901.953	16.268.664.025
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.570.366.263)	(6.891.753.630)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	99.454.438.305	47.500.248.590
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(44.743.443.028)	(80.050.866.686)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.827.881.499	771.759.569
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(225.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.286.139.300	5.433.597.453
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(257.629.422.229)	(73.845.509.664)

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.676.019.743.392	1.648.491.666.642
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.436.961.170.441)	(1.715.340.019.738)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(37.873.077.900)	(15.242.421.899)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	201.185.495.051	(82.090.774.995)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	43.010.511.127	(108.436.036.069)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	57.571.991.574	166.008.027.644
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	100.582.502.701	57.571.991.574

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 2.453.414.686 đồng (năm 2011: 1.450.796.666 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Học

Phạm Văn Học
Người lập biểu

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Quang

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng



Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 01 tháng 01 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCĐN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 04 tháng 5 năm 2011 với số vốn điều lệ 344.466.990.000 đồng.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 5 công ty con (xem Thuyết minh số 14).

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 930 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.048 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con cũng như giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn**

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán và được Công ty dự định thanh lý trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Dụng cụ quản lý	3 - 6

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính từ 4 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 năm đối với quyền sử dụng đất và giá trị xây lắp (thời gian hiệu lực còn lại của quyền sử dụng đất).

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản đầu tư chứng khoán, được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các niên độ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán của các công ty đã niêm yết, giá trị dự phòng được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá giao dịch bình quân thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giao dịch trên thị trường giao dịch không chính thức (OTC hoặc Upcom), giá trị dự phòng được Công ty xác định trên cơ sở đánh giá thận trọng nhất của Ban Tổng Giám đốc về mức suy giảm giá trị có thể xảy ra là chênh lệch giữa giá mua thực tế và mệnh giá chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được phân bổ hết, tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác có thời hạn lớn hơn một năm.

Tiền thuê đất trả trước là giá trị tiền thuê đất để xây dựng Kho gas Đình Vũ với số tiền 24.856.249.290 đồng, trong thời hạn 488 tháng và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Trong năm 2012, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 trong báo cáo tài chính hợp nhất theo Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Kiểm toán Nhà nước ban hành ngày 29 tháng 10 năm 2012. Chi tiết ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu năm 2011 sau điều chỉnh hồi tố	Số liệu năm 2011 trước điều chỉnh hồi tố	Chênh lệch điều chỉnh hồi tố
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (i)	314	24.709.763.009	13.640.718.752	11.069.044.257
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (i)	420	20.329.328.721	31.398.372.978	(11.069.044.257)

- (i) Đây là 50% thuế thu nhập doanh nghiệp do có chứng khoán niêm yết lần đầu giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2006, Công ty đã kê khai ưu đãi trong hai năm 2009, 2010 do có chứng khoán niêm yết lần đầu trong giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2006. Tuy nhiên, theo Kiểm toán Nhà nước, Công ty đã hết thời gian ưu đãi này và không được hưởng ưu đãi 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đã kê khai ưu đãi cho hai năm 2009, 2010 theo quy định của Nhà nước.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	5.958.937.698	9.406.697.547
Tiền gửi ngân hàng	33.328.371.115	47.567.853.827
Tiền đang chuyển	1.295.193.888	597.440.200
Các khoản tương đương tiền (*)	60.000.000.000	-
	100.582.502.701	57.571.991.574

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn (*)	20.377.064.426	20.377.064.426
Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV (**)	3.120.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác (***)	225.000.000.000	-
	248.497.064.426	20.377.064.426
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(14.995.643.226)	(13.749.146.626)
	233.501.421.200	6.627.917.800

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2012 ngày 24 tháng 4 năm 2012, Công ty tiếp tục thực hiện thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty trình bày khoản đầu tư này như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư theo giá trị thị trường của cổ phiếu.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 26 tháng 11 năm 2012, Công ty chủ trương nắm giữ khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và sẽ bán trong tương lai gần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty trình bày khoản đầu tư này như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư theo giá trị thị trường của cổ phiếu.

(***) Các khoản đầu tư ngắn hạn khác phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng, không quá 1 năm tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu gas rời với khách hàng thuê đóng bình	-	3.266.171.697
Tài sản thiếu chờ xử lý	19.791.360	2.289.090
Tạm ứng cho các cửa hàng gas và nhân viên	2.494.762.481	-
Phải thu ngắn hạn khác	18.867.630.741	6.099.657.137
	<u>21.382.184.582</u>	<u>9.368.117.924</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	1.636.311.000	309.184.183
Nguyên liệu, vật liệu	25.664.621.640	28.920.848.974
Công cụ, dụng cụ	1.804.976.103	3.777.459.703
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.860.957.990	714.953.097
Thành phẩm	1.011.608.246	10.179.456.976
Hàng hóa	156.524.686.531	85.421.985.120
Hàng gửi đi bán	111.405.244	162.770.000
Cộng	<u>188.614.566.754</u>	<u>129.486.658.053</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.303.622.477)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>180.310.944.277</u>	<u>129.486.658.053</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	309.665.009.377	86.876.120.353	62.874.006.091	4.991.646.505	2.224.631.830	466.631.414.156
Mua sắm mới	44.043.710.497	3.663.579.279	1.915.617.592	833.311.822	103.413.276	50.559.632.466
Xây dựng cơ bản hoàn thành	12.213.801.732	-	-	445.447.200	-	12.659.248.932
Thanh lý	(2.102.446.147)	(281.800.468)	(2.868.262.098)	(179.771.987)	-	(5.432.280.700)
Tăng/(Giảm) khác	8.153.431	-	187.232.608	139.759.391	-	335.145.430
Tại ngày 31/12/2012	363.828.228.890	90.257.899.164	62.108.594.193	6.230.392.931	2.328.045.106	524.753.160.284
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	125.574.479.474	51.967.177.522	33.957.814.584	2.725.301.493	1.648.685.484	215.873.458.557
Khấu hao trong năm	15.738.187.616	6.788.952.057	5.419.202.490	1.000.762.266	117.419.966	29.064.524.395
Thanh lý	(850.307.974)	(138.871.318)	(2.263.049.296)	(154.348.805)	-	(3.406.577.393)
Tăng/(Giảm) khác	153.975.740	79.530.000	135.859.176	(82.846.036)	-	286.518.880
Tại ngày 31/12/2012	140.616.334.856	58.696.788.261	37.249.826.954	3.488.868.918	1.766.105.450	241.817.924.439
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	223.211.894.034	31.561.110.903	24.858.767.239	2.741.524.013	561.939.656	282.935.235.845
Tại ngày 31/12/2011	184.090.529.903	34.908.942.831	28.916.191.507	2.266.345.012	575.946.346	250.757.955.599

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 35.273.853.529 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 25.255.915.207 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	11.936.694.155	3.110.084.898	15.046.779.053
Mua sắm mới	2.253.983.000	-	2.253.983.000
Tại ngày 31/12/2012	14.190.677.155	3.110.084.898	17.300.762.053
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	1.011.626.146	2.015.216.234	3.026.842.380
Trích khấu hao trong năm	130.802.988	867.401.632	998.204.620
Tại ngày 31/12/2012	1.142.429.134	2.882.617.866	4.025.047.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	13.048.248.021	227.467.032	13.275.715.053
Tại ngày 31/12/2011	10.925.068.009	1.094.868.664	12.019.936.673

(*) Trong đó, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của lô đất tại 322 Điện Biên Phủ - Thành phố Hồ Chí Minh, được đánh giá lại theo Quyết định số 4450/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty được sử dụng lô đất này để xây dựng văn phòng với chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày Ủy ban Nhân dân thành phố ban hành quyết định.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Cao ốc văn phòng 322 Điện Biên Phủ	-	5.146.349.021
Văn phòng tòa nhà MIPEC TOWER 229 Tây Sơn, HN	-	52.682.304.868
Tuyến ống nhập tàu kho gas Đình Vũ	-	4.296.819.889
Công trình kho gas Thọ Quang	19.063.315.615	-
Mua phần mềm kế toán	2.833.000.000	-
Các công trình khác	6.634.951.549	3.299.915.899
	28.531.267.164	65.425.389.677

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị xây lắp VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	6.957.405.470	11.621.000.927	18.578.406.397
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	6.957.405.470	11.621.000.927	18.578.406.397
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	1.002.574.012	218.648.368	1.221.222.380
Trích khấu hao trong năm	123.360.000	241.266.457	364.626.457
Tại ngày 31/12/2012	1.125.934.012	459.914.825	1.585.848.837
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	5.831.471.458	11.161.086.102	16.992.557.560
Tại ngày 31/12/2011	5.954.831.458	11.402.352.559	17.357.184.017

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất và các giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại 322 Điện Biên Phủ, thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với diện tích Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	TP. Hồ Chí Minh	51	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	5.000.000.000	5.000.000.000
(Lỗ)/lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	(387.041.523)	(439.999.671)
	4.612.958.477	4.560.000.329

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG	Hà Nội	50%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tổng tài sản	9.225.916.957	9.287.426.159
Tổng công nợ	-	(167.425.500)
Tài sản thuần	9.225.916.957	9.120.000.659
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	4.612.958.477	4.560.000.329

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	2.610.000.000	5.730.000.000
Đầu tư dài hạn khác	151.126.257	485.250.556
	2.761.126.257	6.215.250.556
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.610.000.000)	(3.515.878.000)
Giá trị thuần khoản đầu tư	1.151.126.257	2.699.372.556

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tiền thuê đất	Vỏ bình gas	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	21.587.879.113	249.101.886.880	2.940.740.725	273.630.506.718
Tăng trong năm	-	87.514.723.276	3.321.973.669	90.836.696.945
Giá vốn vỏ bình bán cho công ty con	-	(22.550.460.000)	-	(22.550.460.000)
Thanh lý trong năm	-	(436.875.825)	-	(436.875.825)
Phân bổ vào chi phí trong năm	(612.469.932)	(33.143.727.852)	(4.071.098.471)	(37.827.296.255)
Tại ngày 31/12/2012	20.975.409.181	280.485.546.479	2.191.615.923	303.652.571.583

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (Tiếp theo)

Tiền thuê đất phản ánh giá trị hợp đồng thuê 3 ha đất tại khu Công nghiệp Đình Vũ - ký hiệu Cn 5.2 để xây dựng Kho ga Đình Vũ, được trả trước cho Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ với thời gian thuê là 488 tháng, đến hết ngày 02 tháng 4 năm 2047.

18. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	87.664.565.016	100.089.303.377
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	33.386.003.815	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	178.295.523.621	-
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	63.913.549.062	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (v)	5.511.432.000	5.677.464.322
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (v)	3.832.352.000	3.510.790.412
	372.603.425.514	134.277.558.111

- (i) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00122/2012/0000075 ngày 02 tháng 02 năm 2012. Khoản vay cho mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng lần giải ngân.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa bằng đồng USD theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-NH/PGC ngày 27 tháng 4 năm 2012. Khoản vay cho mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng lần giải ngân
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi theo Hợp đồng cấp tín dụng số 120118/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 27 tháng 4 năm 2012. Trong đó, khoản vay gốc USD đang chịu lãi suất 2,8%/năm.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 230811057747.309.HM ngày 27 tháng 4 năm 2012 với mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ.
- (v) Khoản vay do Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	8.275.275.871	7.215.547.015
Thuế xuất, nhập khẩu	3.589.320.100	1.413.092.338
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.669.564.036	14.856.093.226
Thuế thu nhập cá nhân	259.295.747	1.225.030.430
	21.793.455.754	24.709.763.009

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.064.610.156	2.574.916.212
Bảo hiểm xã hội, đoàn phí công đoàn	1.130.279.901	227.473.650
Tài sản thừa chờ xử lý	-	836.036.907
Cổ tức phải trả	265.728.000	17.472.798.300
Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG (*)	4.400.000.000	4.400.000.000
Phải trả Cục thuế Đà Nẵng (**)	2.242.581.495	-
Phải trả, phải nộp khác	12.986.912.138	7.202.037.185
	22.090.111.690	32.713.262.254

(*) Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG đã ngừng hoạt động kinh doanh và chuyển một phần vốn về Công ty quản lý. Khoản này được trình bày như một khoản phải trả khác.

(**) Khoản phải trả Cục thuế Đà Nẵng về tiền thuê đất, thuê mặt nước Kho gas Thọ Quang.

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Dự phòng quỹ lương (*)	11.299.999.000	-
Dự phòng bảo hành sản phẩm	612.206.298	571.184.331
	11.912.205.298	571.184.331

(*) Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tiền lương theo hướng dẫn tại Thông tư số 123/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	152.584.531.374	136.373.638.380
Nhận thêm ký cược, ký quỹ	23.958.955.583	32.088.708.654
Kết chuyển vào doanh thu (*)	(18.131.220.544)	(15.877.815.660)
Số dư cuối năm	158.412.266.413	152.584.531.374

(*) Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vỏ bình gas được xác định dựa trên số tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị vỏ bình xuất dùng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Biến động vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	264.998.230.000	130.179.226.574	(49.700.000)	205.576.409	99.502.636.970	10.912.420.340	47.701.808.229	553.450.198.522
Tăng vốn bằng cổ phiếu thường	79.468.760.000	(52.983.500.000)	-	-	-	-	-	26.485.260.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	31.255.552.573	31.255.552.573
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	6.136.982.300	2.066.487.062	(15.452.363.036)	(7.248.893.674)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(30.469.908.000)	(30.469.908.000)
Ghi đảo lại lũy kế từ khoản đầu tư vào Công ty CP Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn	-	(1.014.956.574)	-	-	-	(117.477.841)	(1.557.377.257)	(2.689.811.672)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	(205.150.623)	11.213.740	38.639.850	(11.148.383.788)	(11.303.680.821)
Tại ngày 01/01/2012	344.466.990.000	76.180.770.000	(49.700.000)	425.786	105.650.833.010	12.900.069.411	20.329.328.721	559.478.716.928
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	76.071.929.419	76.071.929.419
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	445.207.862	1.019.709.825	(9.304.337.338)	(7.839.419.651)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(20.666.007.600)	(20.666.007.600)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	(425.786)	-	-	-	(425.786)
Tại ngày 31/12/2012	344.466.990.000	76.180.770.000	(49.700.000)	-	106.096.040.872	13.919.779.236	66.430.913.202	607.044.793.310

b. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Tỷ lệ %	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	52,36%	180.373.765.800	180.373.765.800
Vốn góp của các cổ đông khác	47,64%	164.093.224.200	164.093.224.200
100,00%		344.466.990.000	344.466.990.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**d. Cổ tức**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 24 tháng 4 năm 2012, Đại hội đã nhất trí thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2011 là 6% theo vốn góp, theo đó cổ tức năm 2011 phải trả là 20.666.007.600 đồng. Cổ tức được chi trả toàn bộ bằng tiền mặt, số cổ tức chưa trả của năm 2011 hiện đang được theo dõi trên khoản mục "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác".

e. Số cổ phiếu đang lưu hành

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 34.446.699 cổ phần (năm 2011: 34.446.699 cổ phần); trong đó, Công ty đang nắm giữ 3.353 cổ phiếu quỹ tương đương với 3.353 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	3.227.095.109.732	2.764.529.217.765
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.742.912.152	27.055.384.423
Doanh thu ký cược, ký quỹ vô bình gas	18.131.220.544	15.877.815.660
	3.264.969.242.428	2.807.462.417.848

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	2.760.145.536.363	2.339.230.552.157
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.793.584.737	22.844.777.311
	2.777.939.121.100	2.362.075.329.468

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	82.319.990.031	85.785.378.507
Chi phí tiền lương, tiền công	139.158.978.452	117.579.991.053
Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì	59.752.078.313	51.737.525.208
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.427.355.472	29.271.317.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.867.142.794	85.590.021.459
Chi phí khác	72.434.636.736	65.875.432.701
	484.960.181.798	435.839.666.075

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.185.644.278	1.473.175.662
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.352.022.800	1.838.890.679
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	927.652.959	111.723.612
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	302.363.297	-
Lãi bán hàng trả chậm	626.781.865	1.001.104.205
Doanh thu hoạt động tài chính khác	580.918.141	601.573.686
	14.975.383.340	5.026.467.844

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	16.749.137.397	19.212.845.950
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn	- (712.339.548)	26.363.533.236 16.224.836.298
Chi phí tài chính khác	1.073.253.747	9.402.328.813
	17.110.051.596	71.203.544.297

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu lãi phạt chậm thanh toán	1.483.424.859	-
Thanh lý tài sản cố định	1.827.881.499	771.759.569
Hàng hóa thừa khi kiểm kê	1.886.254.765	6.368.925.110
Thu nhập khác	3.599.747.591	4.408.296.336
	8.797.308.714	11.548.981.015

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	1.192.569.294	771.759.569
Hàng hóa thiếu khi kiểm kê	-	402.999.781
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	1.095.199.961	11.631.918
Khác	1.365.013.755	1.441.746.890
	3.652.783.010	2.628.138.158

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	99.982.390.236	49.198.465.448
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	22.455.265.693	14.990.327.104
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(845.626.507)	932.500.000

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là tổng cộng thuế phải nộp của các công ty con và số thuế phải nộp tại Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Gas Petrolimex.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Do trong năm, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ và niêm yết bổ sung cổ phiếu nên số liệu so sánh được trình bày lại cho phù hợp. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên các cơ sở số liệu sau:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	76.071.929.419	31.255.552.573
Số bình quân gia quyền của phổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.443.346	31.797.740
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.209	983

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(Xem chi tiết phụ lục “Bảng tổng hợp giao dịch và số dư với các bên liên quan”) từ trang 31 đến trang 37.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	372.603.425.514	134.277.558.111
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	100.582.502.701	57.571.991.574
Nợ thuần	272.020.922.813	76.705.566.537
Vốn chủ sở hữu	607.044.793.310	559.478.716.928
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,45	0,14

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.582.502.701	57.571.991.574
Đầu tư ngắn hạn	233.501.421.200	6.627.917.800
Phải thu khách hàng (sau dự phòng)	287.810.815.220	286.902.789.142
Các khoản phải thu khác	21.382.184.582	9.368.117.924
Tổng cộng	643.276.923.703	360.470.816.440
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	372.603.425.514	134.277.558.111
Phải trả người bán	253.649.666.054	165.998.317.149
Chi phí phải trả	6.757.116.565	23.872.905.596
Phải trả khác	19.895.221.633	29.074.835.485
Tổng cộng	652.905.429.766	353.223.616.341

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	32.377.697	10.970.694	351.102.068.572	324.718.781.215
Euro (EUR)	6.419.309	6.798.884	-	2.990.090.412

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(35.106.327.157)	(32.769.110.205)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.582.502.701	-	100.582.502.701
Đầu tư ngắn hạn	233.501.421.200	-	233.501.421.200
Phải thu khách hàng (sau dự phòng)	287.810.815.220	-	287.810.815.220
Các khoản phải thu khác	21.382.184.582	-	21.382.184.582
Tổng cộng	643.276.923.703	-	643.276.923.703

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	372.603.425.514	-	372.603.425.514
Phải trả người bán	253.649.666.054	-	253.649.666.054
Chi phí phải trả	6.757.116.565	-	6.757.116.565
Phải trả ngắn hạn khác	19.895.221.633	-	19.895.221.633
Tổng cộng	652.905.429.766	-	652.905.429.766

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.571.991.574	-	57.571.991.574
Đầu tư ngắn hạn	6.627.917.800	-	6.627.917.800
Phải thu khách hàng (sau dự phòng)	286.902.789.142	-	286.902.789.142
Các khoản phải thu khác	9.368.117.924	-	9.368.117.924
Tổng cộng	360.470.816.440	-	360.470.816.440

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	134.277.558.111	-	134.277.558.111
Phải trả người bán	165.998.317.149	-	165.998.317.149
Chi phí phải trả	23.872.905.596	-	23.872.905.596
Phải trả ngắn hạn khác	29.074.835.485	-	29.074.835.485
Tổng cộng	353.223.616.341	-	353.223.616.341
Chênh lệch thanh khoản thuần	7.247.200.099	-	7.247.200.099

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 05 tháng 02 năm 2013, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, theo đó Công ty chính thức chuyển đổi theo mô hình Tổng Công ty và đổi tên thành Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP.

Ngày 08 tháng 02 năm 2013, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu tăng vốn:

- Phát hành cổ phiếu ứng cổ tức đợt I/2012: 10%
 - Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu: 36%
- Tổng số vốn điều lệ sau phát hành tăng vốn là 502.875.030.000 đồng

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán với một số chỉ tiêu được trình bày lại theo Thuyết minh số 05 - Điều chỉnh hồi tố.

Phạm Văn Học
Người lập biểu

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng



Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

BÁO CÁO CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN
Kỳ báo cáo: năm 2012

STT	Hình thức/ Đơn vị đầu tư	Ngày bắt đầu đầu tư	Vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư			Số lượng cổ phiếu phát hành	Số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ vốn góp	Mức độ ảnh hưởng	Tỷ lệ lợi ích
			Vốn điều lệ (VND)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
I	Đầu tư vào Công ty con (TK221)		133.024.919.267	121.987.708.826	-	-	121.987.708.826				
	1. Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng		22.000.000.000	22.000.000.000			22.000.000.000	100,0%	100,0%		100,0%
	2. Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng		20.500.000.000	20.500.000.000			20.500.000.000	100,0%	100,0%		100,0%
	3. Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn		57.000.000.000	57.000.000.000			57.000.000.000	100,0%	100,0%		100,0%
	4. Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ		11.000.000.000	11.000.000.000			11.000.000.000	100,0%	100,0%		100,0%
	5. Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG		22.524.919.267	11.487.708.826			11.487.708.826	51,0%	51,0%		51,0%
II	Đầu tư Công ty liên kết (TK223)		10.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000				
	1. Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG		10.000.000.000	5.000.000.000			5.000.000.000	50,00%	50,0%		50,0%
III	Đầu tư dài hạn khác (TK228)		205.000.000.000	1.151.126.257	20.500.000	100.000	2.761.126.257				
	1. Tổng công ty cổ phần Dệt may Hà Nội		205.000.000.000	1.000.000.000	20.500.000	100.000	2.610.000.000	0,5%	0,5%		0,5%
	2. Đầu tư dài hạn khác			151.126.257			151.126.257				

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEXTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**
Kỳ báo cáo: từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

STT	Mã đơn vị	Chi tiêu/Đơn vị mua	Sản phẩm hàng hóa (Dầu sáng, dầu nhớt, gas, bếp, phụ kiện)		
			Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
1	11001000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	3.076.180.151	2.717.322.837	358.857.314
2	11006000	Công ty Xăng dầu Hà Bắc	4.792.080.904	4.009.982.752	782.098.152
3	11006020	Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	26.446.471.274	22.130.238.572	4.316.232.702
4	11007000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	13.527.074.764	11.319.369.930	2.207.704.834
5	11007010	Chi nhánh Xăng dầu Bắc Cạn	7.462.620.774	6.244.673.491	1.217.947.283
6	11015010	Chi nhánh Xăng Dầu Hòa Bình	2.049.330.680	1.714.866.849	334.463.831
7	11035000	Công ty Xăng dầu Cao Bằng	7.368.813.110	6.166.175.836	1.202.637.274
8	83000021	Công ty Xăng dầu Yên Bái	934.040.256	781.598.932	152.441.324
9	83000022	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	21.733.487.764	18.186.444.015	3.547.043.749
10	83000023	Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc	9.962.727.192	8.828.749.924	1.133.977.268
11	83000024	Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	14.742.376.592	12.336.326.753	2.406.049.839
12	83000025	Công ty Xăng dầu Lào Cai	3.153.927.408	2.639.186.349	514.741.059
13	83000026	Chi nhánh Xăng dầu Lai Châu	7.585.394.443	6.347.409.715	1.237.984.728
14	83000027	Công ty Xăng dầu Điện Biên	10.778.941.326	9.019.749.388	1.759.191.938
15	83000028	Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	14.508.568.784	12.140.677.870	2.367.890.914
16	83000029	Công ty Xăng dầu Hà Giang	20.194.738.762	16.898.828.659	3.295.910.103
17	11003000	Công ty Xăng dầu khu vực 3	9.968.199.538	8.702.024.091	1.266.175.447
18	11005000	Công ty Xăng dầu B12	11.702.394.955	10.215.939.441	1.486.455.514
19	11028000	Công ty Xăng dầu Thái Bình	24.197.661.138	21.124.038.434	3.073.622.704
20	11010000	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	8.540.772.995	7.455.911.378	1.084.861.617
21	11009000	Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	940.391.480	820.941.563	119.449.917
22	11009400	Công ty Xăng dầu Hà Nam	371.568.820	324.371.599	47.197.221
23	11009200	Công ty Xăng dầu Ninh Bình	534.728.605	466.806.587	67.922.018
24	11011200	Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	16.120.919.913	14.073.216.824	2.047.703.089
25	11011000	Công ty Xăng dầu Nghệ An	29.093.235.948	25.397.770.092	3.695.465.856
26	11074100	Công ty CPVT TPS Nghệ Tĩnh	7.430.234.876	6.486.435.453	943.799.423
27	11004000	Công ty Xăng dầu Khu vực 5	4.433.737.000	3.698.797.443	734.939.557
28	11004900	Công ty Xăng dầu Quảng Nam	34.125.820.200	29.093.525.704	5.032.294.496
29	11058000	Công ty Xăng dầu Quảng Ngãi	14.006.982.300	12.135.204.868	1.871.777.432
30	11012000	Công ty Xăng dầu Bình Định	4.918.987.050	4.381.800.901	537.186.149
31	11017000	Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	9.397.677.900	8.231.343.913	1.166.333.987
32	11017300	Công ty Xăng dầu Kon Tum	7.264.604.552	6.334.391.937	930.212.615
33	11018000	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	50.584.690.310	42.287.024.426	8.297.665.884
34	11042000	Công ty Xăng dầu Quảng Bình	22.998.484.100	19.937.721.476	3.060.762.624
35	11044000	Công ty Xăng dầu Quảng Trị	22.027.712.000	18.915.672.829	3.112.039.171
36	11013000	Công ty Xăng dầu Phú Khánh	14.512.059.550	13.024.203.685	1.487.855.865
37	11029000	Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	11.376.348.110	9.806.567.460	1.569.780.650
38	11052000	Công ty Xăng dầu Đồng Nai	1.840.307.120	1.590.451.620	249.855.500
39	11043000	Công ty Xăng dầu Bến Tre	6.525.377.372	5.820.128.500	705.248.872
40	11030000	Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	26.894.072.810	22.904.956.260	3.989.116.550
41	11031000	Công ty Xăng dầu Long An	10.478.080.890	9.432.886.280	1.045.194.610
41	11047000	Công ty Xăng dầu Tây Ninh	1.300.745.540	1.112.509.660	188.235.880
42	11041000	Công ty Xăng dầu Tiền Giang	12.117.883.576	10.816.112.060	1.301.771.516
43	11002100	Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu	3.587.254.222	3.058.346.000	528.908.222
44	11025000	Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	4.746.151.994	4.463.786.807	282.365.187
45	11032000	Công ty Xăng dầu Cà Mau	2.703.418.037	1.989.509.844	713.908.193
46	11033000	Công ty Xăng dầu Trà Vinh	1.258.343.817	873.471.400	384.872.417
47	11034000	Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	1.965.964.623	1.469.927.709	496.036.914
48	11048000	Công ty Xăng dầu An Giang	30.609.093	18.282.240	12.326.853

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEXTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã đơn vị	Tên chỉ tiêu, đơn vị	Phải thu khách hàng
	Phần 1: Phải thu ngắn hạn	46.381.213.786
11001000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	528.552.430
11006000	Công ty Xăng dầu Hà Bắc	1.649.601.214
11006020	Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	3.861.014.551
11007000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	1.806.982.296
11007010	Chi nhánh Xăng dầu Bắc Cạn	426.394.983
11015010	Chi nhánh Xăng Dầu Hòa Bình	172.755.310
11015033	Cty CP vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Nội	40.210.000
11015034	Cty CP vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	3.035.890
11035000	Công ty Xăng dầu Cao Bằng	738.192.539
83000021	Công ty Xăng dầu Yên Bái	(182.805.276)
83000022	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	3.639.017.501
83000023	Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc	1.235.148.038
83000024	Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	1.722.841.959
83000025	Công ty Xăng dầu Lào cai	996.195.454
83000026	Chi nhánh Xăng dầu Lai Châu	694.104.142
83000027	Công ty Xăng dầu Điện Biên	2.652.836.926
83000028	Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	956.325.354
83000029	Công ty Xăng dầu Hà Giang	1.038.117.099
11003000	Công ty Xăng dầu khu vực 3	(133.637.713)
11005000	Công ty Xăng dầu B12	143.428.580
11028000	Công ty Xăng dầu Thái Bình	532.695.474
11010000	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	1.279.906.488
11009000	Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	287.655.592
11011000	Công ty Xăng dầu Nghệ An	607.205.005
11011200	Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	1.135.263.366
11004000	Công ty Xăng dầu Khu vực 5	261.921.377
11004900	Công ty Xăng dầu Quảng Nam	1.389.953.809
11058000	Công ty Xăng dầu Quảng Ngãi	559.848.038
11012000	Công ty Xăng dầu Bình Định	259.008.392
11017000	Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	1.062.551.253
11017300	Công ty Xăng dầu Kon Tum	520.314.520
11018000	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	1.736.582.765
11042000	Công ty Xăng dầu Quảng Bình	1.019.379.781
11044000	Công ty Xăng dầu Quảng Trị	929.686.857
11013000	Công ty Xăng dầu Phú Khánh	650.413.120
11052000	Công ty Xăng dầu Đồng Nai	494.875.340
11030000	Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	3.880.380.395
11047000	Công ty Xăng dầu Tây Ninh	309.727.334
11031000	Công ty Xăng dầu Long An	1.301.561.641
11029000	Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	829.118.740
11002100	Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu	636.148.028

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN (TIẾP THEO)**

Kỳ báo cáo: năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã đơn vị	Tên chỉ tiêu, đơn vị	Phải thu khách hàng
11002000	CNV CTXDKV2 mượn vỏ bình	(1.200.000)
11075000	Công ty CP Vận tải và dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	63.542.374
11002300	Tổng kho xăng dầu Nhà Bè	4.440.000
11022100	Công ty Cổ phần cơ khí xăng dầu	165.770.550
11041000	Công ty Xăng dầu Tiền Giang	1.834.108.951
11043000	Công ty Xăng dầu Bến Tre	1.293.268.248
11014000	Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	3.540.000
11025000	Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	547.830.000
11032000	Công ty Xăng dầu Cà Mau	372.260.000
11033000	Công ty Xăng dầu Trà Vinh	140.260.000
11034000	Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	278.350.000
11048000	Công ty Xăng dầu An Giang	6.535.071

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã đơn vị	Tên chỉ tiêu, đơn vị	Nhận ký quỹ ký cược
A	B	5
	Phần 1: Phải trả ngắn hạn	63.380.400.733
11004900	Công ty Xăng dầu Quảng Nam	6.167.610.000
11005200	Công ty Xăng dầu Quảng Ninh	269.800.000
11017300	Công ty Xăng dầu Kon Tum	1.906.400.000
11019200	Công ty TNHH MTV VIPCO Hải Phòng	10.000.000
11063000	Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	196.820.000
11074000	Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	206.130.000
11003000	Công ty Xăng dầu khu vực 3	1.360.714.574
11004000	Công ty Xăng dầu Khu vực 5	5.100.260.000
11005000	Công ty Xăng dầu B12	3.304.340.000
11009000	Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	6.315.270.000
11010000	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	1.458.680.000
11011000	Công ty Xăng dầu Nghệ An	5.223.996.159
11012000	Công ty Xăng dầu Bình Định	2.347.530.000
11013000	Công ty Xăng dầu Phú Khánh	2.023.230.000
11017000	Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	2.168.710.000
11018000	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	8.732.720.000
11028000	Công ty Xăng dầu Thái Bình	1.921.550.000
11042000	Công ty Xăng dầu Quảng Bình	5.054.160.000
11044000	Công ty Xăng dầu Quảng Trị	5.744.020.000
11058000	Công ty Xăng dầu Quảng Ngãi	3.868.460.000
	Phần 2: Phải trả dài hạn	26.313.020.000
11001000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	21.460.000
11001400	Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu	451.480.000
11006020	Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	2.187.620.000
11007000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	2.270.300.000
11007010	Chi nhánh Xăng dầu Bắc Cạn	33.040.000
11008100	Công ty Xăng dầu Hà Bắc	1.200.380.000
11014000	Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	1.801.560.000
11014300	Công ty Xăng dầu Tây Bạc Liêu	7.660.000
11015011	Xí nghiệp Xăng dầu K133	261.280.000
11025000	Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	1.709.020.000
11032000	Công ty Xăng dầu Cà Mau	2.201.500.000
11033000	Công ty Xăng dầu Trà Vinh	378.860.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN (TIẾP THEO)**

Kỳ báo cáo: năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã đơn vị	Tên chỉ tiêu, đơn vị	Nhận ký quỹ ký cược
11035000	Công ty Xăng dầu Cao Bằng	990.560.000
11072000	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	38.860.000
11072100	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội tại Bắc Ninh	97.540.000
11076000	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây	540.000
11076300	Xí nghiệp Dịch vụ Xăng dầu và Cơ khí	502.480.000
83000022	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	595.540.000
83000023	Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc	318.900.000
83000024	Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	605.440.000
83000026	Chi nhánh Xăng dầu Lai Châu	382.380.000
83000027	Công ty Xăng dầu Điện Biên	2.850.620.000
83000028	Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	368.460.000
83000029	Công ty Xăng dầu Hà Giang	2.803.580.000
11022000	Công ty Thiết bị Xăng dầu Petrolimex	33.740.000
11026000	Công ty Xăng dầu Tây Bắc	3.620.000
11027000	Công ty Xăng dầu Yên Bái	245.360.000
11045000	Công ty Xăng dầu Lào Cai	878.260.000
11048000	Công ty Xăng dầu An Giang	2.308.900.000
	Tổng cộng	89.693.420.733

CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

BÁO CÁO CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: năm 2012

Đơn vị: VND

Mã đơn vị	Tên chỉ tiêu, đơn vị	Gốc vay			Phân loại thời hạn trả nợ
		1/1/2012	Nhận tiền vay	Trả nợ gốc	
1	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	5.677.464.322	27.469.085.986	27.635.118.308	Trong vòng 1 năm
				5.511.432.000	5.511.432.000

Phạm Văn Học

Phạm Văn Học
Người lập biểu

Ngày 18 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Hữu Quang

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng

